

Số: 17/2026/NQ-HĐND

Cà Mau, ngày 14 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 347/TTr-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 140/BC-HĐND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp áp dụng đối với các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ trong liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác.
- Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Doanh nghiệp.

5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 300 triệu đồng, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

2. Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Dự án liên kết được hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng/01 dự án.

3. Hỗ trợ khuyến nông, tập huấn và giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm

a) Xây dựng mô hình khuyến nông: Hỗ trợ 100% chi phí mua giống; hỗ trợ 50% chi phí mua thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn, mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/mô hình; hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng; hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh. Số lượng mô hình xây dựng trên cơ sở quy mô của dự án, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật: Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, đi lại, nơi ở trong thời gian tham dự tập huấn, bồi dưỡng, học tập mô hình khuyến nông, chi phí giảng viên, trợ giảng, hướng dẫn tham quan, tổ chức lớp học theo quy định hiện hành;

c) Hỗ trợ đào tạo nghề 02 triệu đồng/người/khóa học, thời gian học dưới 03 tháng;

d) Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã: Hỗ trợ 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm; đối với thiết kế mới, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/mẫu bao bì, nhãn mác và không quá 03 mẫu; hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; hỗ trợ 70% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn xã khó khăn; hỗ trợ 50% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn khác;

đ) Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, tổng mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/dự án.

Điều 4. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và từ các chương trình, dự án hợp pháp khác và nguồn vốn đối ứng của tỉnh.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.
2. Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.
3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với dự án, kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đã được phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau khóa XI, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực V;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thiều